

Bản án số: 1083/2020/DS-PT

Ngày: 09/12/2020

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản
và tranh chấp hợp đồng mua bán xe.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Nhung.

Các Thẩm phán: 1. Bà: Đỗ Thị Hòa.

2. Bà: Nguyễn Thị Lan Hương.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Quỳnh Thy - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:
Bà Võ Phạm Phương Hạnh - Kiểm sát viên.

Từ ngày 04 đến ngày 09/12/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 475/TLPT-DS ngày 05/10/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, tranh chấp hợp đồng mua bán xe”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 260/2020/DS-ST ngày 13/08/2020 của tòa án nhân dân Quận T Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5276/2020/QĐPT-DS ngày 19/10/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Hồng P, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh Bình Dương (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Thúy V, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Tòa nhà Chung Cư Ehome 3, đường H, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân H, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Tòa nhà N, số 38 đường D, Phường X, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. (Văn bản ủy quyền ngày 21/8/2019 và ngày 18/3/2020) (Có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông Nguyễn Tiến H, sinh năm 1976.

Địa chỉ: 75 Đường X, Khu phố 2, phường K, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Nguyễn Cao T - Luật sư Chi nhánh Văn phòng Luật sư A - Đoàn Luật sư tỉnh Long An (Có mặt).

2/ Ông Hồ Minh T, sinh 1978.

Địa chỉ: Chung cư Ehome 3, Khu dân cư L, Đường D, Khu phố 2, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân H.

Địa chỉ liên hệ: Tòa nhà N, số 38 đường D, Phường X, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. (Văn bản ủy quyền ngày 18/3/2020) (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nguyên đơn, bà Lê Thị Hồng P trình bày:

Bà Lê Thị Hồng P và bà Nguyễn Thị Thúy V là bạn bè nhiều năm và bà P đã hùn vốn kinh doanh một thời gian với bà V. Đến ngày 08/10/2018 thì hai bên ký “Giấy xác nhận nợ”, theo đó bà V còn nợ bà P: Tiền hùn vốn 3.400.000.000 đ. Tiền vay: 1.560.000.000 đ, với lãi suất 3%/tháng. Nợ vay mượn sẽ trả dần hàng tháng từ 200.000.000 đ đến 500.000.000 đ, lãi suất 3% cho phần vay. Phần hùn và lãi sẽ trả ngay sau khi công ty gom vốn về, chốt trong năm 2018. Sau đó bà V có thanh toán được 02 lần chuyển lãi phần nợ là 200.000.000đ. Nay bà P khởi kiện yêu cầu bà V thanh toán: Tiền hùn vốn 3.400.000.000đ. Tiền vay: 1.360.000.000đ và lãi với lãi suất 3%/tháng là 186.000.000đ (tính đến ngày khởi kiện).

- Bị đơn, bà Nguyễn Thị Thúy V do ông Nguyễn Xuân H là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Giấy xác nhận nợ ngày 08/10/2018 là do bà Lê Thị Hồng P nhờ bà Nguyễn Thị Thúy V ký để bà P đối phó với các khoản nợ riêng của bà P nhằm hoãn nợ. Trên thực tế bà V đã trả đúng theo thỏa thuận vào ngày 06/12/2018, hiện tại bà V còn nợ chính thức số tiền 1.360.000.000đ, do có đơn khiếu nại đến Công an huyện Bến Cát nên chưa thanh toán. Bà V đồng ý thanh toán số tiền 1.360.000.000đ không yêu cầu tính lãi. Số tiền hùn vốn 3.400.000.000đ thì bà không đồng ý.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Tiến H trình bày về việc mua xe:

Ông yêu cầu hủy Hợp đồng mua bán xe ô tô (giấy tay) và hợp đồng ủy quyền (có công chứng) cùng ngày 22/7/2019 bà V và chồng là ông Hồ Minh T bán cho ông Nguyễn Tiến H chiếc xe ô tô biển số 61C-307.21 là vô hiệu. Khi mua ông không biết việc tài sản này đã bị phong tỏa theo Quyết định số 34/2019/QĐ-BPKCTT ngày 23/7/2019 của Tòa án nhân dân quận T. Hợp đồng bị vô hiệu do lỗi của bà V, ông T nên phải hoàn trả lại tiền mua xe là 550.000.000đ, chịu tiền lãi chậm trả $550.000.000đ \times 1,125\%/tháng \times 08\text{ tháng} = 49.500.000đ$, phải trả chi phí phát sinh trong việc bảo dưỡng xe, gửi xe 20.500.000đ. Ông Nguyễn Tiến H có trách nhiệm trả lại xe và giấy tờ xe cho bà Nguyễn Thị Thúy V, ông Hồ Minh T sau khi thanh toán tiền.

2. Ông Hồ Minh T và bà Nguyễn Thị Thúy V do ông Nguyễn Tiến H là người đại diện theo ủy quyền trình bày về việc mua bán xe:

Hai bên đã hoàn tất việc mua bán xe nên bà Nguyễn Thị Thúy V, ông Hồ Minh T không chịu trách nhiệm gì nữa, đề nghị Tòa xử theo pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã áp dụng biện pháp phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ bằng việc không cho chuyển nhượng đối với chiếc xe ô tô biển số 61C-307.21, đứng tên bà V, theo Quyết định số 34/2019/QĐ-BPKCTT ngày 23/7/2019 của Tòa án nhân dân quận T để đảm bảo việc thi hành án. Đồng thời áp dụng biện pháp bảo đảm theo Quyết định thay đổi việc áp dụng biện pháp bảo đảm số 11/2020/QĐ-BPBD ngày 10/7/2020, phong tỏa số tiền 80.000.000đ của bà P tại Phòng Giao dịch số 2, Chi nhánh Khu Công nghiệp Tân Tạo – Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Bà Lê Thị Hồng P xác nhận về số tiền hơn 5.000.000.000 đồng là tiền hai bên chuyển qua lại trong quá trình hùn vốn từ trước ngày 08/10/2018. Tại thời điểm ký “Giấy xác nhận nợ” ngày 08/10/2018 thì hai bên mới chốt lại số tiền hùn vốn và tiền nợ vay. Sau ngày này bà V thanh toán được 200.000.000đ tiền nợ vay và tiền lãi vay 105.600.000đ. Bà P yêu cầu bà Nguyễn Thị Thúy V trả khoản tiền hùn vốn 3.400.000.000đ và tiền vay 1.360.000.000đ. Đối với tiền lãi tính trên số tiền vay, bà Lê Thị Hồng P yêu cầu tính lãi suất là 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự, số tiền lãi tính từ ngày 08/10/2018 đến ngày 08/8/2020 là $1.360.000.000đ \times (20\%/năm : 12 \text{ tháng}) \times 22 \text{ tháng} = 498.666.667đ$, trừ tiền lãi đã nhận 105.600.000đ, còn phải thanh toán tiền lãi vay là 393.066.667đ. Tổng cộng: $3.400.000.000đ + 1.360.000.000đ + 393.066.667đ = 5.153.066.667đ$.

- Bà Lê Thị Hồng P xác định giữ nguyên yêu cầu áp dụng biện pháp phong tỏa tài sản đối với chiếc xe ô tô biển số 61C-307.21 theo Quyết định số 34/2019/QĐ-BPKCTT ngày 23/7/2019 của Tòa án nhân dân quận T để đảm bảo việc thi hành án, đề nghị hủy bỏ biện pháp bảo đảm đã áp dụng.

1. Bà Nguyễn Thị Thúy V do ông Nguyễn Xuân H làm đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà V xác nhận số tiền nợ vay và đồng ý trả bà P 1.360.000.000đ và đồng ý trả số tiền này cho bà P, nhưng yêu cầu không tính lãi vay. Đối với số tiền hùn vốn 3.400.000.000đ, bà Nguyễn Thị Thúy V đã thanh toán đủ cả tiền vốn và tiền lời, thể hiện qua bảng kê Sổ phụ tài khoản tại ngân hàng và lời thừa nhận của bà Lê Thị Hồng P tại phiên tòa, số tiền là 5.185.000.000 đồng. Do đó, bà Nguyễn Thị Thúy V không đồng ý thanh toán khoản tiền này.

Ông Nguyễn Tiến H giữ nguyên yêu cầu hủy Hợp đồng mua bán xe ô tô và hợp đồng ủy quyền cùng ngày 22/7/2019, yêu cầu bà Nguyễn Thị Thúy V, ông Hồ Minh T phải hoàn trả lại tiền mua xe là 550.000.000đ; thay đổi yêu cầu đối với chi phí phát sinh trong việc bảo dưỡng xe 10.900.000đ; chịu tiền lãi chậm trả tính từ ngày 22/7/2019 đến ngày 20/8/2020 là $550.000.000đ \times 1,125\%/tháng \times$

13 tháng = 80.715.375đ, tổng cộng: 641.615.375đ. Ông Nguyễn Tiến H có trách nhiệm trả lại xe và giấy tờ xe cho bà Nguyễn Thị Thúy V, ông Hồ Minh T sau khi thanh toán tiền.

Bà Nguyễn Thị Thúy V và chồng là ông Hồ Minh T do ông Nguyễn Xuân Hưng làm đại diện theo ủy quyền cho rằng hợp đồng mua bán xe giữa hai bên đã hoàn tất và hợp lệ. Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời ký ngày 23/7/2019 trong khi hai bên ký hợp đồng mua bán xe ngày 22/7/2019 nên hợp đồng này chỉ vi phạm về hình thức, không phải là hợp đồng giả tạo (do bà Nguyễn Thị Thúy V chưa có một bản án nào quyết định phải thi hành nghĩa vụ về tài sản). Do đó, đề nghị công nhận hợp đồng mua bán xe ngày 22/7/2019 giữa hai bên.

2. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Tiến H, Luật sư Nguyễn Cao T xác định:

Hợp đồng mua bán xe ô tô viết tay giữa hai bên là không đúng quy định của pháp luật đối với tài sản thuộc trường hợp phải đăng ký chuyển quyền sở hữu tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, mặt khác bà Nguyễn Thị Thúy V bán chiếc xe này nhằm trốn tránh trách nhiệm trả nợ. Do đó, đề nghị hủy hợp đồng mua bán và hợp đồng ủy quyền cùng ngày 22/7/2019 vì vô hiệu do giả tạo. Buộc bà Nguyễn Thị Thúy V và chồng là ông Hồ Minh T phải hoàn trả lại tiền mua xe là 550.000.000đ, trả chi phí phát sinh trong việc bảo dưỡng xe 10.900.000đ, chịu tiền lãi chậm trả tính đến ngày 20/8/2020 là 550.000.000đ x 1,125%/tháng x 13 tháng = 80.715.375đ, tổng cộng: 641.615.375đ. Ông Nguyễn Tiến H có trách nhiệm trả lại xe và giấy tờ xe cho bà Nguyễn Thị Thúy V, ông Hồ Minh T sau khi thanh toán tiền. Ngoài ra, bà Nguyễn Thị Thúy V, ông Hồ Minh T còn phải chịu tiền lãi do chậm thanh toán sau khi án có hiệu lực pháp luật và tiền án phí.

Tại Bản án số 260/2020/DS-ST ngày 13/8/2020 của Tòa án nhân dân Y đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Lê Thị Hồng P.

Hủy bỏ “Giấy xác nhận nợ” ký ngày 08/10/2018 giữa bà Lê Thị Hồng P và bà Nguyễn Thị Thúy V.

Buộc bà Nguyễn Thị Thúy V phải trả cho bà Lê Thị Hồng P số tiền hùn vốn 3.400.000.000đ, tiền vay là 1.360.000.000đ, tiền lãi vay là 393.066.667đ, tổng cộng 5.153.066.667đ (Năm tỷ một trăm năm mươi ba triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Tiến H.

Hủy Hợp đồng mua bán xe ô tô biên số 61C-307.21 viết tay giữa bà Nguyễn Thị Thúy V và chồng là ông Hồ Minh T với ông Nguyễn Tiến H ngày 22/7/2019 do vô hiệu, vi phạm về hình thức, có lỗi của cả hai bên mua và bán; hủy Hợp đồng ủy quyền giữa bà Nguyễn Thị Thúy V và chồng là ông Hồ Minh T với ông Nguyễn Tiến H ngày 22/7/2019 do một bên có yêu cầu.

Buộc bà Nguyễn Thị Thúy V và ông Hồ Minh T trả cho ông Nguyễn Tiến H số tiền mua bán xe 550.000.000đ, chi phí phát sinh trong việc bảo dưỡng xe 10.900.000đ, tổng cộng 560.900.000đ (Năm trăm sáu mươi triệu chín trăm nghìn đồng). Ông Nguyễn Tiến H chịu trách nhiệm trả lại xe và giấy tờ xe cho bà Nguyễn Thị Thúy V, ông Hồ Minh T sau khi thanh toán tiền.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Tiến H về tiền lãi do chậm trả là 80.715.375đ (Tám mươi triệu bảy trăm mười lăm nghìn ba trăm bảy mươi lăm đồng).

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian còn phải thi hành

4. Đối với việc áp dụng biện pháp phong tỏa tài sản đối với chiếc xe ô tô biển số 61C-307.21 theo Quyết định số 34/2019/QĐ-BPKCTT ngày 23/7/2019 của Tòa án nhân dân quận T được tiếp tục duy trì để đảm bảo việc thi hành án.

5. Hủy bỏ việc áp dụng biện pháp bảo đảm theo Quyết định số 11/2020/QĐ-BPBD ngày 10/7/2020, phong tỏa số tiền 80.000.000đ của bà Lê Thị Hồng P tại Phòng Giao dịch số 2, Chi nhánh Khu Công nghiệp Tân Tạo – Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

- Ngoài ra án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

- Ngày 21/8/2020 bà Nguyễn Thị Thúy V và ông Hồ Minh T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Ngày 28/8/2020 ông Nguyễn Tiến H kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về việc rút yêu cầu tính lãi đối với số tiền mua xe đã thanh toán cho bà V và ông T.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện của ông Hồ Minh T, bà Nguyễn Thị Thúy V và ông Nguyễn Tiến H không rút đơn kháng cáo. Nguyên đơn bà Lê Thị Hồng P không rút đơn khởi kiện. Các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Ông T và bà V có ông Nguyễn Xuân H đại diện theo ủy quyền trình bày nội dung kháng cáo: Không chấp nhận đơn khởi kiện của bà P về khoản tiền hùn vốn là 3.400.000.000đ vì số tiền này bà V đã trả hết cho bà P, bà V ghi giấy xác nhận nợ cho bà P để đối phó với các khoản nợ riêng của bà P. Tòa sơ thẩm chưa xem xét sao kê tài khoản ngân hàng mà bà V đã chuyển trả cho bà P. Bà V chỉ chấp nhận trả tiền vay 1.360.000.000đ. Đối với hợp đồng mua bán xe mặc dù vi phạm về hình thức là hợp đồng không công chứng tuy nhiên hai bên đã giao xe và giao tiền do đó đề nghị không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Tiến H.

- Bà P đề nghị không chấp nhận đơn kháng cáo của bà V và ông T, đề nghị y bản án sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Tiến H trình bày nội dung kháng cáo: Rút một phần đơn yêu cầu độc lập về tính lãi trên số tiền 550.000.000đ đối với số tiền mua xe là 80.715.375 đ.

Tại phần tranh luận:

- Đại diện của ông T và bà V trình bày: Bà V chỉ thừa nhận khoản nợ 1.360.000.000đ. Thừa nhận hai bên có hùn vốn làm ăn với nhau. Riêng tiền hùn vốn 3.400.000.000đ bà V ghi giấy nợ chỉ là để cho bà P đối phó với các khoản nợ riêng của bà P, căn cứ vào bảng sao kê số tài khoản của bà V trước thời điểm ghi giấy nợ thì bà V chỉ còn nợ bà P khoảng 200.000.000đ. Do đó đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P về số nợ hùn vốn. Đối với hợp đồng mua bán xe thì mặc dù hợp đồng không công chứng tuy nhiên hai bên ký hợp đồng tay trước ngày Tòa áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, các bên đã tiến hành giao xe và nhận tiền. Do đó đề nghị công nhận hợp đồng mua bán xe và không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Tiến H.

Bà P trình bày ý kiến tranh luận: Không đồng ý với ý kiến của đại diện bà V và ông T. Hai bên hùn vốn làm ăn, công ty là của bà V. Hai bên thân thiết với nhau từ nhiều năm nên hoàn toàn tin tưởng nhau về tiền bạc. Đưa tiền khi thì chuyển khoản, khi thì đưa trực tiếp mà không ghi giấy tờ gì. Tổng số tiền hùn vốn và nợ đưa cho bà V hơn 9.000.000.000đ, bà V đã chuyển trả hơn 5.000.000.000đ. Số còn lại bà V tự ghi giấy xác nhận nợ ngày 10/8/2018 và xác nhận còn nợ tiền hùn vốn là 3.400.000.000đ và tiền nợ 1.560.000đ. Sau khi ký xác nhận nợ bà V mới trả cho bà 200.000.000đ tiền gốc của nợ vay và 105.600.000đ tiền lãi. Khoản tiền hùn vốn bà V chưa trả. Vì vậy bà đề nghị y bản án sơ thẩm, không chấp nhận đơn kháng cáo của ông T và bà V.

- Luật sư của ông Nguyễn Tiến H trình bày: Ông Nguyễn Tiến H ký hợp đồng mua chiếc xe ô tô không công chứng là vi phạm về hình thức theo quy định của pháp luật. Chiếc xe đã bị kê biên để đảm bảo thi hành án. Vì vậy hợp đồng mua bán xe là vô hiệu. Tại phiên tòa sơ thẩm ông Hưng có yêu cầu tính lãi nhưng không được chấp nhận. Nay ông kháng cáo yêu cầu rút yêu cầu tính lãi và đề nghị hoàn trả lại tiền án phí đã nộp cho ông H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Toà cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục, các đương sự được thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ, đơn kháng cáo và thời hạn đóng án phí của ông T, bà V, ông Hưng làm trong hạn luật định.

Xét yêu cầu kháng cáo của ông T và bà V: Hồ sơ thể hiện bà P và bà V có quan hệ hùn vốn làm ăn và hai bên đã tự thỏa thuận chuyển thành nợ theo giấy nhận nợ ngày 10.8.2018. Bà V khai ghi giấy xác nhận nợ chỉ là để bà P đối phó với các khoản nợ của bà P nhưng không có chứng cứ chứng minh. Bà V là người làm ăn kinh doanh thường xuyên ký các giấy tờ liên quan đến tiền bạc thì không thể nói bà không biết trách nhiệm của mình khi ký giấy xác nhận nợ. Bà V trình bày đã thanh toán xong số tiền hùn vốn là 3.400.000.000đ nhưng không

có chứng cứ chứng minh. Mặc dù bà P có thừa nhận hai bên có chuyển khoản cho nhau 5.000.000.000đ nhưng các lần chuyển không đề mục đích, lý do chuyển tiền để làm gì và không có chứng cứ chứng minh cho số tiền 5.000.000.000đ là chuyển để thanh toán tiền hùn vốn giữa hai bên. Vì vậy không có cơ sở cho rằng bà V đã trả 3.400.000.000đ tiền hùn vốn nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của bà V ông T về khoản tiền hùn này.

Về khoản tiền nợ: Tại phiên tòa hai bên đương sự thừa nhận khoản tiền nợ còn lại là 1.360.000.000đ. Cộng cả hai khoản tiền hùn vốn, tiền nợ và lãi thì bà V phải trả là 5.153.0660.667đ. Tòa án quận T chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở. Đối với hợp đồng mua bán xe, hai bên đã vi phạm hình thức, tuyên vô hiệu và xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của đương sự về phần này.

Đối với đơn kháng cáo của ông Nguyễn Tiến H xin rút một phần yêu cầu độc lập về khoản tiền lãi phát sinh, về yêu cầu này tòa sơ thẩm đã xem xét và không chấp nhận. Nay ông Tiến H kháng cáo rút phần tính lãi và yêu cầu trả lại tạm ứng án phí là không có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ Luật Tố tụng dân sự không chấp nhận đơn kháng cáo của bà V, ông T và ông Tiến H, y bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa của các đương sự, của Luật sư, của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Xét đơn kháng cáo và thời hạn đóng tạm ứng án phí của bà Nguyễn Thị Thúy V, ông Hồ Minh T và ông Nguyễn Tiến H làm trong thời hạn luật định.

Xét nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thúy V và ông Hồ Minh T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự có đủ cơ sở xác định giữa bà Lê Thị Hồng P và bà Nguyễn Thị Thúy V có quan hệ bạn bè thân thiết nhiều năm và bà P có hùn vốn làm ăn với bà V và cho bà V vay tiền sau đó hai bên đã tự thỏa thuận chuyển tiền hùn vốn thành nợ theo “Giấy xác nhận nợ” ngày 08/10/2018. Bà V cho rằng bà ký “Giấy xác nhận nợ” là ký không nhằm giúp bà P đối phó các khoản nợ với người khác. Lời khai này bà P không thừa nhận và bà Thúy V cũng không có chứng cứ chứng minh. Xét giấy nhận nợ không chỉ đơn thuần ghi về khoản tiền hùn vốn 3.400.000.000đ mà còn ghi khoản nợ vay là 1.560.000.000đ và thỏa thuận lãi của từng khoản nên không thể nói ghi giấy chỉ để bà P đối phó khác khoản nợ riêng của bà P. Mặt khác bản thân bà V là người kinh doanh, thường xuyên ký các giấy tờ liên quan đến tiền bạc nên không thể không biết rõ trách nhiệm và hậu quả của mình khi ký các

giấy tờ liên quan đến khoản nợ này. Tại phiên tòa, đại diện của bà V có đưa ra bản sao kê chuyển khoản giữa bà V và bà P để chứng minh rằng bà V đã trả hết số tiền hùn vốn nhưng bản sao kê này thể hiện giao dịch chuyển tiền giữa hai bên diễn ra trước ngày xác nhận nợ 10/8/2018. Bản sao kê này cấp sơ thẩm cũng đã xem xét và nhận định trong bản án. Các khoản tiền giao dịch chuyển khoản giữa hai bên cũng không ghi rõ mục đích là chuyển tiền gì nên không có căn cứ cho rằng số tiền hai bên chuyển khoản cho nhau là thanh toán tiền hùn vốn. Tại phiên tòa Bà P xác định tổng số tiền đưa cho bà V hơn 9.000.000.000đ sau khi bà V chuyển trả hơn 5.000.000.000đ nên còn nợ lại 3.400.000.000đ và bà V đã viết giấy xác nhận nợ. Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện của bà V cũng không đưa ra được chứng cứ mới để chứng minh cho lời khai trên vì vậy không có cơ sở xác định bà V đã trả 3.400.000.000đ tiền hùn vốn.

Về khoản tiền nợ: Căn cứ lời thừa nhận hai bên đương sự phù hợp với bản sao kê tại ngân hàng thì sau ngày 10/8/2018 bà V thanh toán được số tiền 200.000.000đ trong khoản nợ vay và thanh toán tiền lãi 105.600.000đ. Như vậy, tổng số tiền bà V phải thanh toán cho bà P là: Tiền hùn vốn 3.400.000.000đ, tiền vay là 1.360.000.000đ và lãi như bản án sơ thẩm đã tính theo quy định của pháp luật tổng cộng với lãi suất 20%/năm, tính từ ngày 08/10/2018 đến ngày 08/8/2020 là 22 tháng số tiền là 498.666.667đ, trừ tiền lãi đã nhận 105.600.000đ. Bà V còn phải thanh toán tiền lãi vay là 393.066.667đ. Tổng cộng là 5.153.066.667đ. Bản án sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn buộc bà V phải trả cho bà P số tiền trên là có cơ sở chấp nhận vì vậy kháng cáo của ông T bà V về khoản tiền hùn vốn là không có cơ sở chấp nhận.

Đối với hợp đồng mua bán xe ô tô giữa ông Tiến H, bà V và ông T: Bản án sơ thẩm đã nhận định hợp đồng vô hiệu do hai bên giao dịch là viết tay không công chứng theo vi quy định tại điểm g khoản 1 Điều 10 Thông tư 15/2014/TT-BCA ngày 04/4/2014 của Bộ Công an. Mặt khác, tài sản là chiếc xe ô tô biển số 61C-307.21 đã bị áp dụng biện pháp phong tỏa nên không được phép chuyển nhượng. Ông Hưng yêu cầu hủy hợp đồng mua bán và hợp đồng ủy quyền đã ký giữa hai bên là có căn cứ. Buộc bà V và ông T cùng chịu trách nhiệm hoàn trả cho ông Nguyễn Tiến H số tiền 550.000.000đ và chi phí phát sinh trong việc bảo dưỡng xe 10.900.000đ, tổng cộng 560.900.000đ là có cơ sở chấp nhận. Do đó phần kháng cáo của bà V và ông T đối với việc mua bán xe là không có cơ sở chấp nhận.

Xét kháng cáo của ông Nguyễn Tiến H yêu cầu rút một phần yêu cầu tính lãi của số tiền 550.000.000đ, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại cấp sơ thẩm yêu cầu tính lãi trên số tiền mua xe là 550.000đ và khoản tiền lãi tính trên số tiền mua bán xe tính từ ngày 22/7/2019 đến 20/8/2020 là 80.715.375đ. Tòa cấp sơ thẩm đã xét và tuyên không chấp nhận yêu tính lãi và ông Tiến H phải đóng án phí trên số tiền không được chấp nhận này. Nay ông Tiến H kháng cáo rút lại yêu cầu tính lãi này và đề nghị hoàn trả lại phần án phí ông đã đóng là không có cơ sở chấp nhận. Do đó đơn kháng cáo của ông Tiến H là không có cơ sở chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ. Căn cứ theo khoản 1 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự, không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Tiến H, không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thúy V và ông Hồ Minh T. Y bản án sơ thẩm và cần sửa lại câu chữ trong phần tuyên đề tiện cho việc thi hành án. Các phần khác của bản án không có kháng cáo kháng nghị nên giữ nguyên.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của ông T, bà V, ông Tiến H không được chấp nhận nên bà V và ông T, ông Tiến H mỗi người phải nộp 300.000.000đ. Khấu trừ các biên lai tạm ứng án phí ông T bà V và ông Hưng đã nộp, lần lượt theo biên lai thu số AA/2019/0061743 ngày 01/9/2020, biên lai thu số AA/2019/0061744 ngày 01/9/2020 và biên lai thu số AA/2019/0061742 ngày 01/9/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận T. Các ông bà nêu trên đã đóng đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 267; Điều 269; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 164; Điều 166; khoản 1 Điều 466; khoản 2 Điều 468; khoản 2 Điều 470; khoản 2 Điều 119; Điều 131 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Hồ Minh T và bà Nguyễn Thị Thúy V. Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Tiến H. Y bản án sơ thẩm số 260/2020/DSST ngày 13/8/2020 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Lê Thị Hồng P. Hủy bỏ “Giấy xác nhận nợ” ký ngày 08/10/2018 giữa bà Lê Thị Hồng P và bà Nguyễn Thị Thúy V.

- Buộc bà Nguyễn Thị Thúy V phải trả cho bà Lê Thị Hồng P số tiền hùn vốn là 3.400.000.000đ, tiền vay là 1.360.000.000đ, tiền lãi vay là 393.066.667đ. Tổng cộng 5.153.066.667đ (Năm tỷ một trăm năm mươi ba triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng). Trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật, thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

3. Chấp nhận một phần đơn yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tiến H.

- Tuyên Hợp đồng mua bán xe ô tô biển số 61C-307.21 viết tay giữa bà Nguyễn Thị Thúy V và chồng là ông Hồ Minh T với ông Nguyễn Tiến H ngày 22/7/2019 và Hợp đồng ủy quyền giữa bà Nguyễn Thị Thúy V và chồng là ông Hồ Minh T với ông Nguyễn Tiến H ngày 22/7/2019 là vô hiệu.

- Buộc bà Nguyễn Thị Thúy V và ông Hồ Minh T phải trả cho ông Nguyễn Tiến H số tiền bán xe là 550.000.000đ và chi phí phát sinh trong việc bảo dưỡng xe là 10.900.000đ. Tổng cộng 560.900.000đ (Năm trăm sáu mươi triệu chín trăm nghìn đồng). Ông Nguyễn Tiến H phải trả lại xe ô tô biển số 61C-307.21 và giấy tờ xe cho bà Nguyễn Thị Thúy V, ông Hồ Minh T. Việc trả tiền, xe và giấy tờ xe được tiến hành cùng thời điểm ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Tiến H về tiền lãi do chậm trả là 80.715.375đ (Tám mươi triệu bảy trăm mười lăm nghìn ba trăm bảy mươi lăm đồng).

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian còn phải thi hành.

4. Đối với việc áp dụng biện pháp phong tỏa tài sản đối với chiếc xe ô tô biển số 61C-307.21 theo Quyết định số 34/2019/QĐ-BPKCTT ngày 23/7/2019 của Tòa án nhân dân quận T được tiếp tục duy trì để đảm bảo việc thi hành án.

5. Hủy bỏ việc áp dụng biện pháp bảo đảm theo Quyết định số 11/2020/QĐ-BPBD ngày 10/7/2020 phong tỏa số tiền 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) của bà Lê Thị Hồng P tại Phòng Giao dịch số 2, Chi nhánh Khu Công nghiệp Tân Tạo – Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Thúy V phải nộp là 113.153.067đ (Một trăm mười ba triệu một trăm năm mươi ba nghìn không trăm sáu mươi bảy đồng).

- Bà Nguyễn Thị Thúy V và ông Hồ Minh T cùng phải nộp là 26.436.000đ (Hai mươi sáu triệu bốn trăm ba mươi sáu nghìn đồng).

- Ông Nguyễn Tiến H phải nộp là 4.035.769đ (Bốn triệu không trăm ba mươi lăm nghìn bảy trăm sáu mươi chín đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2019/0065122 ngày 05/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T với số tiền là 2.300.000đ (Hai triệu ba trăm nghìn đồng) và Biên lai thu số AA/2019/0064032 ngày 14/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T với số tiền là 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng). Ông Nguyễn Tiến H còn nhận lại số tiền 11.264.231đ (Mười một triệu hai trăm sáu mươi bốn nghìn hai trăm ba mươi một đồng).

- Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho bà Lê Thị Hồng P 56.473.000đ (Năm mươi sáu triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án

phí số AA/2019/0018331 ngày 11/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Án phí dân sự phúc thẩm:

- Ông Hồ Minh T, bà Nguyễn Thúy V và ông Nguyễn Tiến H mỗi người phải nộp 300.000.000 đồng. Khấu trừ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) cho mỗi biên lai tạm ứng án phí ông T, bà V, ông Tiến H đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0061743 ngày 01/9/2020, biên lai số AA/2019/0061744 ngày 01/9/2020 và biên lai thu số AA/2019/0061742 ngày 01/9/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận T. Ông T, bà V và ông Tiến H đã đóng đủ án phí dân sự phúc thẩm.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./